Tên: ……...

Lớp: S3…

Ngày giao bài: Thứ …, ngày …./….

Ngày nộp bài: Thứ …, ngày …./….

Từ vựng & Ngữ pháp HW: ……

Nghe HW: ……

GE3 - Unit 6: Dinosaurs - Vocabulary 1 & Flyers Listening

A. THEORY

I. VOCABULARY

❖ **Dinosaur Fossils**

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	**dinosaur** (n)	khủng long	5	**footprints** (n)	những dấu chân (dấu bàn chân rõ)
2	**fossil** (n)	hóa thạch	6	**tracks** (n)	những dấu vết, đường đi để lại
3	**mud** (n)	bùn	7	**nest** (n)	tổ, ổ (chim, chuột...)
4	**bones** (n)	những cái xương			

❖ **Large Numbers**

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	**thousand** (n)	nghìn	3	**million** (n)	triệu
2	**hundred thousand** (n)	trăm nghìn	4	**hundred million** (n)	trăm triệu

II. FLYERS LISTENING

1. Extra vocabulary

❖ **CLASSWORK: Extra vocabulary for FLYERS – PART 3**

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	**cooker** (n)	bếp	3	**take sth off** (phr.v)	cởi cái gì đó ra
2	**clever** (adj)	thông minh, lanh lợi	4	**pocket** (n)	túi (trên áo, quần)

❖ **HOMEWORK: Extra vocabulary for FLYERS – PART 3**

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	**flat** (n)	căn hộ	3	**post office** (n)	bưu điện
2	**meeting room** (n)	phòng họp	4	**stamp** (n)	tem (mảnh giấy nhỏ trên thư/bưu kiện)

**Note:* *n = noun: danh từ; phr.v = phrasal verb: cụm động từ; adj = adjective: tính từ.*

Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1 DÒNG vào vở ghi (áp dụng cho phần Vocabulary và Extra vocabulary).*

2. Method: Picture analysis

Bước 1. Nhìn kỹ bức tranh: Xem bức tranh và hiểu các lựa chọn để tìm các đồ vật.

A - coat pocket (túi áo khoác)

B - sofa (ghế sofa)



A



B

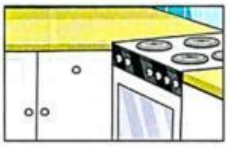
LIVEWORKSHEETS

C - by bed (bên giường)

D - cooker (bếp)



C



D

E: under newspaper (dưới tờ báo)

F: outside (ngoài trời)



E



F

Bước 2. Tìm chi tiết chính:

- Đồ vật: diary (sổ ghi chép), watch (đồng hồ đeo tay), glue (keo), ring (nhẫn), phone (điện thoại).

Bước 3. Tìm dấu hiệu:

Khi nghe, chú ý đến các từ khóa liên quan đến vị trí của đồ vật:

*"in the pockets of my coat" – **A***

*"on the sofa" - **B***

*"by his bed" – **C**.*

*"next to the cooker" – **D***

*"under a newspaper" – **E***

*"outside" – **F***

Bước 4. Sử dụng các từ tiếng Anh con đã biết:

Hãy nhớ các từ và vị trí trong bài để hoàn thành câu trả lời chính xác.

I found it in the pockets of my coat.

I found them on the sofa.

I found it by the bed.

It was next to the cooker.

It was under a newspaper.

It was outside.

B. CLASSWORK

I. Pre-listening: Match the words with their correct definitions. *(Nối các từ với định nghĩa đúng.)*

~~*0. keys*~~	A. a small piece of jewelry you wear on your finger
1. diary	B. a device to tell the time, worn on the *wrist (cổ tay)*
2. watch	C. a device to talk to people who are far away
3. glue	~~*D. small objects used to open locks*~~
4. ring	E. a sticky liquid used to stick things together
5. phone	F. a book to write about your day

Your answer:

0 - D	1 -	2 -	3 -	4 -	5 - .....

LIVEWORKSHEETS

II. Listen and write a letter in each box. *(Nghe và viết 1 chữ cái vào mỗi ô.)*

Các con nghe bài ở link hoặc code sau:

https://soundcloud.com/ms-chi-english/s3_w20_classwork_flyers-part-3

FLYERS PART 3 – 5 questions

Harry is very good at finding things for other people. Where did he find each thing?

keys [B]

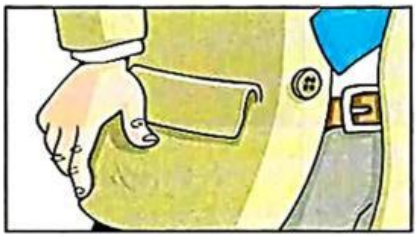
diary [ ]

watch [ ]

glue [ ]

ring [ ]

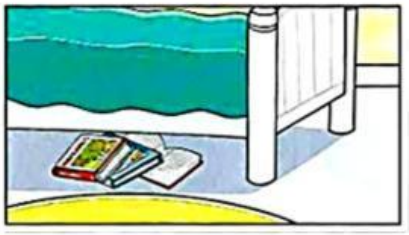
phone [ ]



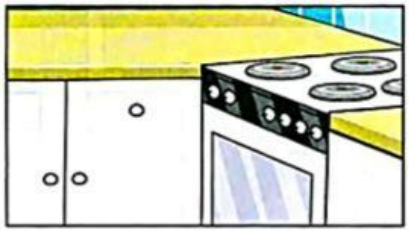
A



B



C



D



E



F

LIVEWORKSHEETS

C. HOMEWORK (14 questions)

I. Fill in the missing letters. *(Điền chữ cái còn thiếu.)*

0. D i n o s a u r s lived millions of years ago, but they are extinct now.

1. Scientists found dinosaur b ..... n ..... s.
2. We can see dinosaur f o ..... t p r i n ..... s on the ground.
3. The dinosaur has a n ..... s t for its eggs.

II. Match the numbers with their corresponding letter forms. *(Nối số với dạng chữ tương ứng.)*

~~*0. 100,000,000*~~	A. four thousand
1. 4,000	~~*B. one hundred million*~~
2. 2,000,000	C. two million
3. 300,000	D. three hundred thousand

0. B	1.	2.	3. .....

III. Read the text and choose the correct answers. *(Đọc và chọn đáp án đúng.)*

The Seismosaurus (A)	The Tyrannosaurus rex (B)	The Stegosaurus (C)
The Seismosaurus lived in America about 150 million years ago. It was over 40 meters long from nose to tail. It had a long neck like a giraffe. It didn't have any horns. It walked on four legs. It didn't eat meat. It ate leaves, grass, and plants.	It lived about 65 million years ago. It came from America. It had two legs and two short arms. It had a huge head with a very big mouth and very sharp teeth. It ate meat. It killed other dinosaurs and ate them too.	It lived in America about 150 million years ago. It was the same size as an elephant. It had four legs and a long tail. It had a very small head. Its brain was smaller than a mango. It didn't eat meat. It ate plants and leaves.

0. Which dinosaur lived about 65 million years ago?	A	(B)	C
1. Which dinosaur was over 40 meters long?	A	B	C
2. Which dinosaur was a meat-eating dinosaur?	A	B	C
3. Which dinosaur had a long neck like a giraffe?	A	B	C
4. Which dinosaur had a tiny head?	A	B	C
5. Which dinosaur walked on two legs?	A	B	C

IV. Complete the sentences using the Infinitive of Purpose (to + V).

(Hoàn thành câu sử dụng to + động từ nguyên mẫu.)

0. They exercise every day to get stronger.

1. I study English to .....
2. We play sports to .....
3. I save money to .....

LIVEWORKSHEETS

V. CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Các con nghe bài ở link hoặc code sau:

https://soundcloud.com/ms-chi-english/s3_w20_homework_flyers-part-3

FLYERS PART 3 – 5 questions

Listen and write a letter in each box. There is one example.

Mrs Dance is telling her daughter, Sarah, about the people in her office and about their different jobs. What job does each person do?

David E

William ☐

Peter ☐

Betty ☐

Jane ☐

Mary ☐



A



B



C



D



E



F

LIVEWORKSHEETS